TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN ĐỘNG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HS-ST
Ngày 02 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Ngát

Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên;

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn L, sinh năm 1983 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Q và bà Vũ Thị N; có vợ là Đào Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại bản án số 167/2020/HS-ST ngày 26/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Hà Văn L 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo chưa chấp hành án; bị bắt tạm giam từ ngày 12/8/2021 đến nay; hiện tại bị cáo đang bị tạm giam, có mặt.

2. Thân Văn B, sinh năm 1994 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Thân Văn K và bà Trần Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H và có 01 con; tiền

án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 12/8/2021 đến nay; hiện tại bị cáo đang bị tạm giam, có mặt.

3. Hoàng Văn Đ, sinh năm 1995 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Đàm Thị G (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2021 đến nay; hiện tại bị cáo đang bị tạm giam, có mặt.

Bị hại: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Lương Thị C, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; là mẹ đẻ anh Hoàng Văn T; có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vi Thị Th, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn R, xã G, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt

Người làm chứng:

1. Ngô Văn C, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt

2. Lương Văn T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn R, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang; có mặt

3. Nguyễn Phi H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 03/02/2018, anh Hoàng Văn T đi xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave &, màu sơn đỏ - bạc - đen, biển số 98E1-117.86 đến phòng trọ của chị Vi Thị Th tại thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang (chị Th là vợ cũ của anh T, hai người đã ly hôn). Theo chị Th khai anh T đến quấy rối và đòi ngủ lại phòng trọ của chị nên chị đã gọi điện cho Thân Văn B, nhờ B đến đuổi anh T về. Sau đó B rủ thêm Hà Văn L cùng đi, L lái xe ô tô nhãn hiệu CAMRY màu xanh, biển số 29Y-17... chở B đi đến trước cửa dãy nhà nơi chị Th ở trọ thì đỗ lại, B xuống xe nhìn thấy anh T đứng ở gần đó nên tiến đến dùng tay phải tát một cái trúng vào vùng mặt của anh T, B tiếp tục xông vào đấm anh T nhưng không trúng, anh T sợ hãi bỏ chạy ra phía đường Quốc lộ 31 để lại xe mô tô

phía trước cổng dãy nhà trọ, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa. Thấy anh T bỏ chạy, B và L đi vào phòng trọ của chị Th ngồi chơi, một lúc sau anh T gọi điện thoại di động cho chị Th nhờ cất hộ xe mô tô, chị Th đi ra dắt xe mô tô của anh T để vào sân nhà trọ. L và B cho rằng anh T sẽ rủ thêm người quay lại gây gổ nên L lái xe ô tô chở B đi đón Hoàng Văn Đ với mục đích nếu anh T rủ người đến gây gổ thì có người hỗ trợ. L, B và Đ ngồi chơi ở phòng trọ chị Th nhưng không thấy T quay lại, B bảo chị Th cho xin số điện thoại của T, B gọi điện cho T hẹn hôm sau đến phòng trọ chị Th để gặp nói chuyện và cho lấy xe mô tô về, anh T đồng ý. Khoảng 01 giờ ngày 04/02/2018 L bảo Đ ở lại phòng trọ của chị Th chơi, nếu thấy anh T quay lại thì gọi điện cho L, còn L lái xe ô tô chở B đi lên thị trấn A, huyện S chơi, đến khoảng 05 giờ sáng thì L và B đi về nhà L ngủ. Đ ở lại phòng trọ của Th một lúc thì hỏi mượn xe của chị Th để đi về, chị Th bảo Đ lấy xe của anh về mai mang trả nên Đ đã lấy xe mô tô của anh T đi về nhà ở thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Khoảng 08 giờ sáng ngày 04/02/2018, Thân Văn B tiếp tục gọi điện thoại bảo anh Hoàng Văn T đến phòng trọ của chị Th nói chuyện và lấy xe mô tô về, anh T đồng ý. Khoảng 09 giờ 40 phút cùng ngày, Hà Văn L lái xe ô tô chở B đi đến phòng trọ của chị Th, lúc này chị Th đang làm việc ở chỗ khác nên B mượn chìa khóa để vào phòng trọ của chị Th; nhìn thấy anh T đi đến, B bảo anh T vào phòng của chị Th nói chuyện, một lúc sau thì L đi vào rồi khép cửa phòng lại (theo anh T khai thì L chốt cửa phòng lại). Tại đây, L dùng chân đá một cái vào cằm anh T, B dùng tay tát một cái vào mặt anh T và dùng điếu thuốc lá đang cháy châm vào mu bàn tay trái anh T. B yêu cầu anh T phải bồi thường cho B do buổi tối ngày hôm trước lúc B đuổi đánh anh T bị rơi vỡ màn hình một chiếc điện thoại di động và một máy tính bảng (Ipad), anh T đã phải lấy toàn bộ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) có trong người ra đưa cho B. L yêu cầu anh T tháo sim trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39 màu vàng cam của T để đưa cho chị Th coi như T bù đắp tình cảm cho chị Th, khi chị Th quay về phòng nhưng không lấy điện thoại của T nên L đã chiếm đoạt. Sau khi lấy được những tài sản trên, L và B bảo anh T lên xe ô tô đi về nhà Hoàng Văn Đ ở thôn B, xã B, huyện L để anh T lấy xe mô tô. Khi đến nhà Đ, L, B và anh T cùng đi vào phòng ngủ của Đ, L đóng cửa lại tiếp tục yêu cầu anh T viết giấy vay nợ của Đ số tiền 12 triệu đồng, mục đích để anh T phải gán nợ chiếc xe mô tô mà Đ đang quản lý, anh T không viết liền bị L dọa đánh chết, Đ dọa nhốt mấy ngày, anh T sợ hãi nên phải viết giấy vay nợ và lấy ra giấy đăng ký xe mô tô, giấy chứng minh thư nhân dân để trên giường của Đ; quá trình điều tra không thu giữ được giấy vay nợ mà anh T đã viết.

Sau khi biết anh Hoàng Văn T đã trình báo sự việc, Hoàng Văn Đ đem xe mô tô của anh T đến sân trước cửa phòng trọ của chị Vi Thị Th để. Ngày 09/02/2018, chị Th giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại xe Wave, biển số 98E1- 117... của anh T cho Cơ quan điều tra; cùng ngày 09/02/2018, Đ giao nộp 01 đăng ký xe mô tô, 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên Hoàng Văn T.

Thân Văn B chiếm đoạt của anh Hoàng Văn T số tiền 5.000.000 đồng nhưng B đã chi tiêu cá nhân hết nên không thu hồi được. Hà Văn L chiếm đoạt của anh T 01 chiếc điện thoại di động, L khai sau đó đã làm rơi mất nên không thu hồi được.

Ngày 01/6/2018, Hà Văn L tự viết 01 biên bản thỏa thuận với gia đình anh Hoàng Văn T, nội dung sẽ bồi thường tiền và điện thoại, lấy chiếc xe mô tô trả cho anh T và đề nghị anh T rút đơn trình báo sự việc.

Anh Hoàng Văn T bị Hà Văn L và Thân Văn B đánh, tuy nhiên anh T chỉ bị thương tích nhẹ, không phải đi bệnh viện điều trị nên anh T từ chối giám định thương tích.

Ngày 23/4/2018, Cơ quan điều tra có văn bản yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô của anh Hoàng Văn T bị chiếm đoạt. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 26/4/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave &, màu sơn đỏ - bạc - đen, biển số 98E1- 117..., tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 6.500.000đ (Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ngày 28/6/2021, Cơ quan điều tra có văn bản yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc điện thoại của anh Hoàng Văn T bị chiếm đoạt. Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 09/7/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39, màu vàng cam, cũ đã qua sử dụng, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

Ngày 08/5/2020 anh Hoàng Văn T chết do bị bệnh (có bản trích lục khai tử do UBND xã B cung cấp). Vì vậy, bà Lương Thị C – Là mẹ đẻ anh T tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp của bị hại.

Quá trình điều tra vụ án, Hà Văn L đã tự nguyện bồi thường cho anh Hoàng Văn T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); sau khi bị bắt tạm giam Hà Văn L và Thân Văn B đều tác động gia đình bồi thường cho anh T do bà Lương Thị C đại diện (vì anh T đã chết) với số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Giai đoạn truy tố, Hoàng Văn Đ tác động gia đình bồi thường cho anh T do bà C đại diện số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bà C đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho L, B và Đ.

Tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKS-SĐ ngày 31 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố các bị cáo Hà Văn L, Thân Văn B, Hoàng Văn Đ về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hà Văn L, Thân Văn B, Hoàng Văn Đ phạm tội "Cướp tài sản"; đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 168, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58, Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Văn L từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 167/2020/HS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 04 năm 06 tháng đến 04 năm 09 tháng tù, được trừ 05 tháng 27 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam theo bản án số 167/2020/HS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Miễn phạt bổ sung.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 168, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Thân Văn B từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù. Miễn phạt bổ sung.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 168, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Miễn phạt bổ sung.

+ Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo Hà Văn L, Thân Văn B, Hoàng Văn Đ đều trình bày: Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố các bị cáo đúng hành vi, đúng người, đúng tội; các bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình nên đã tác động gia đình bồi thường thỏa đáng cho gia đình người bị hại; các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo quy định của pháp luật, các bị cáo hứa sẽ tích cực cải tạo để trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại, bà Lương Thị C trình bày: Các bị cáo Hà Văn L, Thân Văn B, Hoàng Văn Đ đã thành khẩn nhận tội, bồi thường thỏa đáng cho anh T do bà làm đại diện; bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bà không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 09 giờ 40 phút ngày 04/02/2018, tại phòng trọ của chị Vi Thị Th ở địa chỉ thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang; các bị cáo Hà Văn L, Thân Văn B đã có hành vi đánh anh Hoàng Văn T, trong đó L đá anh T một cái vào cằm, B tát anh T một cái vào mặt và dùng điếu thuốc là đang cháy châm vào mu bàn tay trái của anh T; sau đó B đã chiếm đoạt của anh T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), L chiếm đoạt của anh T 01 điện thoại di động trị giá 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng). Hành vi trên của các bị cáo L và B là dùng vũ lực tấn công anh T nhằm chiếm đoạt tài sản. Sau khi chiếm đoạt được số tiền và điện thoại nêu trên, các bị cáo L và B bảo anh T lên xe ô tô của L, đưa anh T đến nhà bị cáo Hoàng Văn Đ để anh T lấy xe mô tô. Khi đến nhà Đ ở tại thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; L, B, Đ không trả xe mô tô cho anh T mà yêu cầu anh T vào trong phòng rồi khép cửa lại, các bị cáo yêu cầu anh T viết giấy vay nợ của Đ số tiền 12.000.000đồng nhằm mục đích buộc anh T phải gán chiếc xe mô tô của anh T. Do trước đó anh T đã bị L và B đánh tại phòng trọ của chị Th nên anh T sợ hãi phải viết giấy vay nợ và để lại giấy đăng ký xe mô tô, giấy chứng minh nhân dân tại nhà Đ thì mới được về. Bằng thủ đoạn đó, các bị cáo L, B và Đ đã uy hiếp tinh thần anh T, làm cho anh T lâm vào tình trạng không thể kháng cự được nhằm chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave &, màu sơn đỏ - bạc - đen, biển số 98E1-117.86 của anh T trị giá 6.500.000đ (Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

[2] Như vậy, các bị cáo Hà Văn L, Thân Văn B đã thực hiện liên tiếp hai hành vi tấn công anh Hoàng Văn T, chiếm đoạt của anh T tiền và tài sản có tổng trị giá là 12.300.000đ (Mười hai triệu, ba trăm nghìn đồng). Bị cáo Hoàng Văn Đ cùng với các bị cáo L và B thực hiện một hành vi tấn công anh T, chiếm đoạt của anh T 01 xe mô tô trị giá 6.500.000đ (Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

[3] Hành vi trên của các bị cáo Hà Văn L, Thân Văn B, Hoàng Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền được bảo vệ sức khỏe và tài sản của anh Hoàng Văn Thu; các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản"; mặc dù các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công hoặc câu kết chặt chẽ, chuẩn bị kỹ lưỡng từ trước nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức; các bị cáo chỉ bột phát tiếp nhận ý chí của nhau trong khi thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm có tính chất giản đơn. Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn

Động truy tố các bị cáo Hà Văn L, Thân Văn B, Hoàng Văn Đ về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo Hà Văn L, Thân Văn B, Hoàng Văn Đ là rất liều lĩnh, táo bạo, coi thường kỷ cương pháp luật, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo là đúng với chính sách xử lý của pháp luật hình sự Nhà nước ta.

[5] Đánh giá vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Bị cáo Hà Văn L là người dùng chân đá một cái vào cằm anh Hoàng Văn T, trực tiếp chiếm đoạt của anh T một chiếc điện thoại di động; bị cáo cũng là người chủ động dùng thủ đoạn ép buộc anh T phải viết giấy vay nợ nhằm mục đích chiếm đoạt một xe mô tô của anh T nên bị cáo là người giữ vai trò chính; bị cáo thực hiện hai hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, hình phạt giành cho bị cáo phải cao hơn so với các đồng phạm khác là thỏa đáng. Song, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo đã chủ động bồi thường thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tinh thần cho bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; vì thế bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt giành cho bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo trong vụ án. Ngoài hình phạt của bản án này, cần phải tổng hợp hình phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" của bản án số 167/2020/HS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Bị cáo Thân Văn B là người chủ động hẹn gặp anh Hoàng Văn T tại nơi ở của chị Vi Thị Th, bị cáo dùng vũ lực tấn công anh T bằng cách tát một cái vào mặt, dùng điếu thuốc lá đang cháy châm vào mu bàn tay trái anh T, trực tiếp chiếm đoạt của anh T số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo cùng có mặt tại phòng ngủ của Hoàng Văn Đ để tạo uy lực cùng các đồng phạm khác uy hiếp tinh thần anh T nhằm chiếm đoạt một xe mô tô của anh T. Như vậy, bị cáo thực hiện hai hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Song, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, trong thời gian bị

tạm giam bị cáo đã tác động gia đình cùng với Hà Văn L bồi thường thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tinh thần cho bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; vì thế bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt giành cho bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo trong vụ án.

[5.3] Bị cáo Hoàng Văn Đ cùng với các đồng phạm đưa anh Hoàng Văn T vào phòng ngủ của bị cáo rồi đóng cửa lại, bị cáo đã có lời nói đe dọa nhốt anh T, cùng các đồng phạm uy hiếp tinh thần anh T làm cho anh T lâm vào tình trạng không có khả năng kháng cự nhằm chiếm đoạt một xe mô tô của anh T, nhưng vai trò của bị cáo là thấp nhất trong vụ án. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo bị tạm giam nhưng đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tinh thần cho bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; vì thế bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên có đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt đối với bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo trong vụ án.

[6] Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp, việc làm ổn định, không có tài sản, kinh tế riêng; để đảm bảo tính khả thi trong giai đoạn thi hành án, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Quá trình điều tra xác định các bị cáo Hà Văn L, Thân Văn B thực hiện hành vi phạm tội tại nơi ở của Vi Thị Th, nhưng trước khi thực hiện hành vi phạm tội L và B không bàn bạc hoặc nói với Th. Do không có cơ sở xác định Th đồng phạm với L và B nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Thúy là đúng quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tinh thần cho bị hại, do bị hại đã chết nên người đại diện hợp pháp

của bị hại đã nhận đầy đủ và không yêu cầu bồi thường gì nữa; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vật chứng thu giữ được là 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại xe Wave, biển số 98E1- 117...., 01 đăng ký xe mô tô, 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên Hoàng Văn T. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xử lý, trả lại cho anh T nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Quá trình điều tra có thu giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu CAMRY màu xanh, biển số 29Y-17... của Hà Văn L, Cơ quan điều tra xác định xe ô tô trên không phải là vật chứng của vụ án nên đã xử lý, trả lại cho L nên không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Các bị cáo Hà Văn L, Thân Văn B, Hoàng Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai tố cáo, khiếu nại gì. Hội đồng xét xử kết luận hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định và hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 168, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58, Điều 56 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hà Văn L 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt với bản án số 167/2020/HS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc bị cáo Hà Văn L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù; được trừ thời gian đã bị tam giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2018 đến ngày 06/4/2019 (05 tháng 27 ngày) theo bản án số 167/2020/HS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 12/8/2021).

2. Áp dụng khoản 1 Điều 168, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Thân Văn B 03 (Ba) năm tù về tội "Cướp tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 12/8/2021).

3. Áp dụng khoản 1 Điều 168, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 02 (Hai) năm tù về tội "Cướp tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 08/10/2021).

4. Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Hà Văn L, Thân Văn B, Hoàng Văn Đ; mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt, người đại diện của bị hại có mặt đều có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt./.

Nơi nhận:
- Bị cáo
- Người đại diện của bị hại, đương sự
- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- CQCSĐT - Công an huyện SĐ
- Chi cục THADS huyện SĐ
- Sở Tư pháp BG
- UBND xã B, huyện L
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Thái